

340. XÃ HỘI HÓA HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG,

việc huy động lực lượng cộng đồng tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường (BVMT), hoạt động quản lý môi trường các cấp, ra quyết định liên quan đến BVMT của các cơ quan nhà nước.

Thực hiện xã hội hóa bảo vệ môi trường (XHHBVMT) nhằm mục đích biến chủ trương BVMT thành nghĩa vụ và quyền lợi của các tầng lớp xã hội, làm cho mọi người thấy được vai trò trách nhiệm của mình, tạo được chuyển biến trong nếp sống thân thiện với môi trường, tích cực và tự nguyện tham gia vào hoạt động BVMT. BVMT là công việc chung của Nhà nước và xã hội, có tính liên ngành, liên vùng rất cao. Trên cơ sở nội dung của Luật BVMT, Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương đã ban hành nhiều văn bản dưới luật về BVMT, trong đó, có các văn bản liên quan đến xã hội hóa công tác BVMT. Ngày 30.5.2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 69/2008/NĐ-CP về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường. Ngày 31.12.2008, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 135/2008/TT- BTC hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30.5.2008 của Chính phủ. Các địa phương trên cơ sở các văn bản pháp luật trên đã xây dựng các quy chế về BVMT, trong đó có vấn đề XHHBVMT.

Mục đích của XHHBVMT là nhằm huy động tối đa các nguồn lực trong xã hội tham gia vào các hoạt động BVMT, nhằm giữ cho môi trường luôn trong lành, sạch đẹp, bảo đảm sự cân bằng sinh thái.

Nội dung của XHHBVMT là phải biến các chủ trương, chính sách, các bộ luật về BVMT thành nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của mọi tầng lớp trong xã hội, từ những nhà hoạch định chính sách, những nhà quản lý cho tới mọi người dân ở mọi lứa tuổi trong xã hội. Phát triển kinh tế - xã hội gắn kết với BVMT là mục tiêu và cũng là đường hướng cơ bản để đạt tới sự phát triển bền vững. Cần xác định rõ trách nhiệm BVMT của Nhà nước, cá nhân, tổ chức và cộng đồng, đặc biệt đề cao trách nhiệm của các cơ sở sản xuất dịch vụ; tạo cơ sở pháp lý và cơ chế, chính sách khuyến khích cá nhân, tổ chức và cộng đồng tham gia công tác BVMT; hình thành các loại hình tổ chức đánh giá, tư vấn, giám định, công nhận, chứng nhận về BVMT; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia các dịch vụ thu gom, tái sử dụng, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải và các dịch vụ khác về BVMT; xây dựng các quy ước, hương ước, cam kết về BVMT, các mô hình tự quản về môi trường của cộng đồng dân cư; phát triển các phong trào quần chúng tham gia BVMT, khen thưởng các điển hình tiên tiến về BVMT.

NGUYỄN THỊ KIM HOA

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đình Hòa, *Môi trường và phát triển bền vững*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, 97tr.
2. Quốc hội Việt Nam, *Luật bảo vệ môi trường năm 2020*.
3. Ester P., T. Mandemaker, *Socialization of environmental policy objectives: tools for environmental marketing*, *The Environment: Towards a Sustainable Future*, 48-53, 1994.
4. Dogaru L., *The importance of environmental protection and sustainable development*, *Procedia - Social and Behavioral Sciences* 93, 1344- 1348, 2013.